Phụ lục I

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số: 36/BC-UBND, ngày 06/ 8 /2025 của UBND xã Nghĩa Giang)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Năm 2025		Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm		
I	**Hợp tác xã**						
1	Tổng số hợp tác xã	HTX	7	7	7	7	
	Trong đó:						
	Số hợp tác xã đang hoạt động	HTX	7	7	7	7	
	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	-	-	0	0	
	Số hợp tác xã giải thể	HTX					
	Số hợp tác xã đạt loại tốt, khá (*)	HTX	2	2	2	2	
	Số HTX ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và tiêu thụ nông sản	HTX	1	1	1	1	
	Số HTX nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị	HTX					
	Số HTX thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần	HTX					
	Số HTX có thành viên là doanh nghiệp	HTX					
	Số HTX có thành viên là người nước ngoài	HTX					
	Số xã đạt chuẩn tiêu chí 13.1 về HTX trong bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới	Xã					
2	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người	3.937	3.937	3.937	3.937	
	Trong đó:						
	Số thành viên mới	Thành					
	Số thành viên ra khỏi hợp tác xã	Thành					
3	Tổng số lao động thường xuyên trong	Người	51	51	51	51	
	Trong đó:						
	Số lao động thường xuyên mới	Người					
	Số lao động thường xuyên là thành viên	Người	51	51	51	51	
4	Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã	Người	13	2	2	-	
	Trong đó:						
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người	5	-	-	-	
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	8	-	-	-	
5	Doanh thu bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm	1.157	1.157	1.157		
	Trong đó: Doanh thu của hợp tác xã với thành viên	Tr đồng/năm					
6	Lãi bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm	34,85	40,00	40,00	40,00	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Năm 2025		Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm		
7	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Tr đồng/năm	2.000	2.000	2.000	2.000	
II	**Liên hiệp hợp tác xã**						
1	Tổng số liên hiệp hợp tác xã	LH HTX					
	Trong đó:						
	Số liên hiệp hợp tác xã đang hoạt động	LH HTX					
	Số liên hiệp HTX thành lập mới	LH HTX					
	Số liên hiệp HTX giải thể	LH HTX					
	Số LHHTX thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần	LH HTX					
2	Tổng số hợp tác xã thành viên	HTX					
3	Tổng số lao động trong liên hiệp HTX	Người					
4	Doanh thu bình quân của một liên hiệp HTX	Tr đồng/năm					
5	Lãi bình quân của một liên hiệp HTX	Tr đồng/năm					
III	**Tổ hợp tác**						
1	Tổng số tổ hợp tác	THT					
	Trong đó:						
	Số THT có đăng ký hoạt động với chính quyền xã/phường/thị trấn	THT					
2	Tổng số thành viên tổ hợp tác	Thành viên					
	Trong đó:						
	Số thành viên mới thu hút	Thành viên					
3	Doanh thu bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/năm					
4	Lãi bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/năm					

(*) Theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của BKHĐT về hướng dẫn phân loại và đánh giá HTX

Phụ lục II

SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC PHÂN LOẠI THEO NGÀNH NGHỀ NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số: 36/BC-UBND, ngày 06/ 8 /2025 của UBND xã Nghĩa Giang)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Năm 2025		Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm		
1	**HỢP TÁC XÃ**						
	Tổng số hợp tác xã	HTX	**7**	**7**	**7**	7	
	Chia ra:						
	Hợp tác xã nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	HTX	6	6	6	6	
	Hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	HTX					
	Hợp tác xã xây dựng	HTX					
	Hợp tác xã tín dụng	HTX					
	Hợp tác xã thương mại	HTX					
	Hợp tác xã vận tải	HTX					
	Hợp tác xã khác	HTX	1	1	1	1	
2	**LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ**						
	Tổng số LH hợp tác xã	LHHTX					
	Chia ra:						
	LH hợp tác xã nông - lâm - ngư -	LHHTX					
	LH hợp tác xã công nghiệp	LHHTX					
	LH hợp tác xã xây dựng	LHHTX					
	LH hợp tác xã tín dụng	LHHTX					
	LH hợp tác xã thương mại	LHHTX					
	LH hợp tác xã vận tải	LHHTX					
	LH hợp tác xã khác	LHHTX					
3	**TỔ HỢP TÁC**						
	Tổng số tổ hợp tác	THT					
	Chia ra:						
	Tổ hợp tác nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	THT					
	Tổ hợp tác công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	THT					
	Tổ hợp tác xây dựng	THT					
	Tổ hợp tác tín dụng	THT					
	Tổ hợp tác thương mại	THT					
	Tổ hợp tác vận tải	THT					
	Tổ hợp tác khác	THT					

Phụ lục III

NHU CẦU VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KTTT, HTX NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số: 36/BC-UBND, ngày 06/ 8 /2025 của UBND xã Nghĩa Giang)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2026		Ghi chú
			Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
I	**HỖ TRỢ CHUNG ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC KTTT**				
1	**Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực**				
	- Đào tạo	Người	**7**		
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	70		
	Trong đó				
	Ngân sách trung ương	Tr đồng			
	Ngân sách địa phương	Tr đồng	70		Ngân sách tỉnh
	Nguồn vốn khác	Tr đồng			
	- Bồi dưỡng	Người	2		
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	40		
	Trong đó				
	Ngân sách trung ương	Tr đồng			
	Ngân sách địa phương	Tr đồng	40		Ngân sách tỉnh
	Nguồn vốn khác	Tr đồng			
	- Hỗ trợ kinh phí biên soạn, xây dựng, phát hành chương trình, giáo trình..				
	Tổng kinh phí hỗ trợ				
	Trong đó				
	Ngân sách trung ương	Tr đồng			
	Ngân sách địa phương	Tr đồng			
	Nguồn vốn khác	Tr đồng			
	- Hỗ trợ lao động tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về làm việc tại các tổ chức KTTT	Người			
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng			
	Nguồn vốn khác	Tr đồng			
	- Xây dựng và triển khai các chương trình truyền thông..				
	Tổng kinh phí hỗ trợ				
	Trong đó				
	Ngân sách trung ương	Tr đồng			
	Ngân sách địa phương	Tr đồng			
	Nguồn vốn khác	Tr đồng			

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2026		Ghi chú
			Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
2	**Hỗ trợ thông tin**				
	- Số THT, HTX, LHHTX được hỗ trợ				
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng			
	Trong đó				
	Ngân sách trung ương	Tr đồng			
	Ngân sách địa phương	Tr đồng			
	Nguồn vốn khác	Tr đồng			
3	**Hỗ trợ xây dựng mạng lưới cung cấp dịch vụ tư vấn**				
	- Số THT, HTX, LHHTX, cá nhân, tổ chức được hỗ trợ				
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng			
	Trong đó				
	Ngân sách trung ương	Tr đồng			
	Ngân sách địa phương	Tr đồng			
	Nguồn vốn khác	Tr đồng			
4	**Hỗ trợ nhân rộng mô hình HTX, LH HTX hoạt động hiệu quả**				
	- Số THT, HTX, LHHTX được hỗ trợ		2		
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	100		
	Trong đó				
	Ngân sách trung ương	Tr đồng			
	Ngân sách địa phương	Tr đồng	100		NS tỉnh
	Nguồn vốn khác	Tr đồng			
5	**Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**				
	- Số HTX, LHHTX được hỗ trợ		1		
	Trong đó				
	Ngân sách trung ương	Tr đồng	100		
	Ngân sách địa phương	Tr đồng			
	Nguồn vốn khác	Tr đồng			
6	**Hỗ trợ tiếp cận và nghiên cứu thị trường**				
	- Số THT, HTX, LHHTX được hỗ trợ				
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng			
	Trong đó				
	Ngân sách Trung ương	Tr đồng			
	Ngân sách địa phương	Tr đồng			
	Nguồn vốn khác	Tr đồng			
7	**Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng**				
	- Số THT, HTX, LHHTX được hỗ trợ		1		
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng			
	Trong đó				

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2026		Ghi chú
			Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
	Ngân sách trung ương	Tr đồng			
	Ngân sách địa phương	Tr đồng			
	Nguồn vốn khác	Tr đồng			
8	**Chuyển giao công trình kết cấu hạ tầng, công trình công cộng và cơ sở hạ tầng khác của Nhà nước**				
	- Số THT, HTX, LHHTX được hỗ trợ				
	Tổng giá trị tài sản được chuyển giao	Tr đồng			
9	**Hỗ trợ tư vấn tài chính và đánh giá rủi ro**				
	- Số THT, HTX, LHHTX được hỗ trợ				
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng			
	Trong đó				
	Ngân sách trung ương	Tr đồng			
	Ngân sách địa phương	Tr đồng			
	Nguồn vốn khác	Tr đồng			
II	**HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP**				
1	**Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng**				
	- Số THT, HTX, LHHTX được hỗ trợ				
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng			
	Trong đó				
	Ngân sách trung ương	Tr đồng			
	Ngân sách địa phương	Tr đồng			
	Nguồn vốn khác	Tr đồng			
2	**Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh**				
	- Số THT, HTX, LHHTX được hỗ trợ	HTX			
	- Tổng kinh phí được hỗ trợ	Tr đồng			
	Trong đó				
	Ngân sách trung ương	Tr đồng			
	Ngân sách địa phương	Tr đồng			
	Nguồn vốn khác	Tr đồng			